

PHỤ LỤC 01

**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỊNH GIÁ,
HÌNH THỨC ĐỊNH GIÁ VÀ TRÁCH NHIỆM THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ**
(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của
UBND thành phố Hà Nội)

STT	Nội dung
1	Sở Xây dựng
1.1	Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do Thành phố quản lý
1.2	Khung giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do Thành phố quản lý
1.3	Giá tối đa dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do Thành phố quản lý
1.4	Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do Thành phố quản lý
1.5	Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô
1.6	Giá cụ thể dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị
1.7	Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước
1.8	Giá cụ thể giá nước sạch
1.9	Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước
1.10	Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)
1.11	Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2.1	Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ
2.2	Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt
2.3	Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân
2.4	Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của Thành phố
2.5	Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Thành phố
2.6	Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của Thành phố

STT	Nội dung
3	Sở Công thương
3.1	Giá cụ thể dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước
4	Sở Y tế
4.1	Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập
4.2	Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập
5	Sở Tư pháp
5.1	Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng
6	Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ
6.1	Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở Thành phố do cơ quan chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thẩm định phương án giá
6.2	Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ